# PHẦN VĂN BẢN KHÁC

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

| | |
|---|---|
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1231/QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày 07 tháng 9 năm 2012* |

**QUYẾT ĐỊNH**
**Phê duyệt Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2011 - 2015**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2010/NQ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2011 - 2015 với các nội dung chủ yếu sau đây:

**I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

1. Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa là chiến lược lâu dài, nhất quán và xuyên suốt trong chương trình hành động của Chính phủ, là nhiệm vụ trọng tâm trong chính sách phát triển kinh tế của quốc gia.

2. Nhà nước tạo môi trường về pháp luật và các cơ chế, chính sách thuận lợi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc mọi thành phần kinh tế phát triển bình đẳng và cạnh tranh lành mạnh nhằm huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển.

3. Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo phương châm tích cực, vững chắc, nâng cao chất lượng, phát triển về số lượng, đạt hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường, góp phần tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội; phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng địa phương, khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn, làng nghề truyền thống; chú trọng phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở các vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; ưu tiên phát triển và hỗ trợ doanh

nghiệp nhỏ và vừa do đồng bào dân tộc, phụ nữ, người tàn tật v.v... làm chủ doanh nghiệp; chú trọng hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư phát triển công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ, sản xuất một số lĩnh vực có khả năng cạnh tranh cao.

4. Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm thực hiện các mục tiêu quốc gia, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

## II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1. Mục tiêu tổng quát:

Đẩy nhanh tốc độ phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi, lành mạnh để các doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng góp ngày càng cao vào phát triển kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Số doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập mới giai đoạn 2011 - 2015 dự kiến đạt 350.000 doanh nghiệp; tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 cả nước có 600.000 doanh nghiệp đang hoạt động;

- Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 25% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn quốc;

- Đầu tư của khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 35% tổng vốn đầu tư toàn xã hội;

- Khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng góp khoảng 40% GDP; 30% tổng thu ngân sách nhà nước;

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa tạo thêm khoảng 3,5 - 4 triệu chỗ làm việc mới trong giai đoạn 2011 - 2015.

3. Nhiệm vụ chủ yếu:

- Tiếp tục hoàn thiện và đảm bảo tính ổn định khung pháp lý, cải cách thủ tục hành chính nhằm tạo môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng, minh bạch, thông thoáng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển;

- Tạo bước đột phá để doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Hỗ trợ tăng cường năng lực nghiên cứu; phát triển công nghệ; đẩy mạnh chuyển giao, đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đẩy nhanh việc thực hiện các chương trình hỗ trợ, phổ biến, ứng dụng công nghệ và kỹ thuật tiên tiến tới các doanh nghiệp nhỏ và vừa, khuyến khích hợp tác và chia sẻ công nghệ giữa

doanh nghiệp nhỏ và vừa với doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia các chương trình liên kết ngành, liên kết vùng và phát triển công nghiệp hỗ trợ;

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực có kỹ năng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Chú trọng đào tạo nghề các ngành, lĩnh vực sử dụng công nghệ cao để chuyển dịch cơ cấu lao động từ thô sơ sang lao động có tay nghề trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong giai đoạn mới. Lồng ghép các giải pháp phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong các đề án phát triển nguồn nhân lực quốc gia. Khuyến khích doanh nghiệp thành lập hoặc liên kết với cơ sở dạy nghề trong đào tạo và giải quyết việc làm. Phát triển đồng bộ thị trường lao động; phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu về thị trường lao động, các hình thức thông tin thị trường lao động nhằm kết nối cung cầu lao động;

- Cải thiện tình trạng thiếu mặt bằng sản xuất, tăng cường bảo vệ môi trường thông qua việc lập và công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tạo điều kiện để phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có quy mô hợp lý và giá thuê đất phù hợp với khả năng của doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ di dời các doanh nghiệp nhỏ và vừa gây ô nhiễm, tác hại đến môi trường tại các khu dân cư và đô thị đến các khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

- Hình thành mạng lưới hệ thống thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để cung cấp thông tin về các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp, các chính sách, chương trình trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và các thông tin khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- Nâng cao hiệu quả điều phối thực hiện các hoạt động trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, tăng cường vai trò của Hội đồng Khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; tăng cường năng lực cho các địa phương về quản lý, xúc tiến, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

## III. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP

Nhóm giải pháp 1: Hoàn thiện khung pháp lý về gia nhập, hoạt động và rút lui khỏi thị trường của doanh nghiệp.

Nhóm giải pháp 2: Hỗ trợ tiếp cận tài chính, tín dụng và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nhóm giải pháp 3: Hỗ trợ đổi mới công nghệ và áp dụng công nghệ mới trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nhóm giải pháp 4: Phát triển nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tập trung vào nâng cao năng lực quản trị cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nhóm giải pháp 5: Đẩy mạnh hình thành các cụm liên kết, cụm ngành công nghiệp, tăng cường tiếp cận đất đai cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nhóm giải pháp 6: Cung cấp thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và xúc tiến mở rộng thị trường cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nhóm giải pháp 7: Xây dựng hệ thống tổ chức trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nhóm giải pháp 8: Quản lý thực hiện Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Trong đó tập trung ưu tiên vào những giải pháp cụ thể sau:

- Thành lập Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Đẩy mạnh các chương trình đổi mới ứng dụng công nghệ, chú trọng phát triển công nghệ cao nhằm tạo ra các sản phẩm mới, trang thiết bị, máy móc hiện đại, cụ thể: Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020, Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020, Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020, Thí điểm xây dựng vườn ươm doanh nghiệp, Thí điểm xây dựng mô hình hỗ trợ toàn diện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong một số lĩnh vực;

- Thúc đẩy các liên kết kinh tế, cụm liên kết ngành.

Nội dung của các nhóm giải pháp và cơ quan chủ trì thực hiện được quy định chi tiết tại Phụ lục về Chương trình hành động ban hành kèm theo Quyết định này.

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa 5 năm 2011 - 2015, các Bộ, ngành, địa phương cần lồng ghép các chương trình trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa với các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án, các chương trình mục tiêu của các Bộ, ngành, địa phương liên quan nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

1. Hội đồng Khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa có trách nhiệm:

- Thông qua cơ quan thường trực của Hội đồng theo dõi và giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch của các cơ quan Bộ, ngành, tư vấn cho Thủ tướng Chính phủ các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai kế hoạch;

- Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ những thay đổi, điều chỉnh khi cần thiết về chương trình hành động, những nhóm giải pháp trong quá trình triển khai thực hiện gặp vướng mắc, khó khả thi không đạt được mục tiêu đã đề ra.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cơ sở kế hoạch của các ngành, địa phương; điều phối, theo dõi, lập báo cáo chung tình hình thực hiện Kế hoạch của các Bộ, ngành địa phương trên toàn quốc về tình hình thực hiện các giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí kinh phí thuộc ngân sách để đảm bảo việc thực hiện các giải pháp trong Chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định.

4. Các Bộ, ngành có trách nhiệm thực hiện hiệu quả các nội dung, nhóm giải pháp nêu tại Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

- Xây dựng Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và chương trình hành động chi tiết cho tỉnh, thành phố và lộ trình thực hiện, phối hợp với các Bộ, ngành để thực hiện nhiệm vụ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; bố trí nhân lực, ngân sách hàng năm đảm bảo thực hiện Kế hoạch tại tỉnh;

- Giao trách nhiệm cho đơn vị đầu mối là Sở Kế hoạch và Đầu tư, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan thực hiện tốt Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương, kịp thời gửi báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch để có giải pháp xử lý;

- Trước ngày 31 tháng 3 hàng năm có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa của năm trước đó đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chủ tịch Hội đồng Khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**KT. THỦ TƯỚNG**
**PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Vũ Văn Ninh**

**Phụ lục**

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1231/QĐ-TTg ngày 07 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)*

## I. NHÓM GIẢI PHÁP VỀ HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

| **Nhóm giải pháp 1: HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ VỀ GIA NHẬP, HOẠT ĐỘNG VÀ RÚT KHỎI THỊ TRƯỜNG** | | | |
|---|---|---|---|
| **Nội dung công việc** | **Cơ quan chủ trì thực hiện** | **Kết quả** | **Thời gian hoàn thành** |
| 1. Cải thiện các quy định pháp lý về thủ tục hành chính liên quan tới đăng ký doanh nghiệp, tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực thi Luật doanh nghiệp 2005 theo lộ trình phù hợp với cam kết trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên như: Tỷ lệ biểu quyết và cơ chế bảo vệ cổ đông thiểu số; áp dụng luật chuyên ngành trong trường hợp đặc thù; sự phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp có nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước; định giá tài sản góp vốn; đăng ký tăng giảm vốn điều lệ đối với công ty cổ phần v.v... Bổ sung các quy định liên quan đến khâu cấp phép quản lý, kiểm soát vốn điều lệ nhằm tăng cường công tác quản lý đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2005 | 2012 - 2013 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 2. Tiến hành sửa đổi Luật Phá sản năm 2004 theo hướng mở rộng việc áp dụng thủ tục phá sản cho mọi đối tượng kinh doanh, không phân biệt cá nhân, hộ gia đình hay doanh nghiệp, cho phép chủ nợ có bảo đảm được quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, giảm bớt sự can thiệp của Nhà nước vào quá trình giải quyết phá sản, tăng cường tính chủ động, quyền tự định đoạt của các bên trong quá trình giải quyết phá sản | Tòa án nhân dân tối cao | Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Phá sản năm 2004 | 2014 |
| 3. Rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư 2005 theo hướng không phân biệt thành phần kinh tế, hình thức sở hữu. Xác định rõ phạm vi áp dụng của Luật Đầu tư. Đảm bảo tách bạch các quy định về hoạt động đầu tư với các hoạt động về thành lập, tổ chức quản lý doanh nghiệp | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư năm 2005 | 2013 |
| 4. Rà soát, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 108/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, đặc biệt các vấn đề liên quan đến quy định về địa điểm đầu tư trong hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đầu tư, các lĩnh vực đầu tư có điều kiện, các vấn đề về chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 108/2006/NĐ-CP | 2012 |
| 5. Nghiên cứu, trình Quốc hội ban hành Luật Sửa đổi bổ sung Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng thống nhất trong áp dụng đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư theo Luật này và Luật Đầu tư năm 2005 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính | Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2013 - 2015 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 6. Sửa đổi các luật thuế: Luật Thuế xuất nhập khẩu, Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán theo hướng giảm bớt các mức thuế, đơn giản hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi áp dụng | Bộ Tài chính | Các Luật Sửa đổi, bổ sung | 2013 |
| 7. Sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế theo hướng sửa đổi tần suất khai thuế từ 12 lần/năm thành 4 lần/năm nhằm giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính thuế cho doanh nghiệp | Bộ Tài chính | Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế | 2012 - 2013 |
| 8. Rà soát, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hiện nay trong lĩnh vực hải quan nhằm loại bỏ những khó khăn về thủ tục, những bất hợp lý trong lĩnh vực hải quan, đảm bảo tính phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi tiến hành các hoạt động xuất nhập khẩu | Bộ Tài chính | Luật Hải quan sửa đổi | 2015 |
| 9. Ban hành thông tư sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm bổ sung những nội dung, phương pháp hạch toán kế toán mới và sửa đổi những nội dung, phương pháp kế toán chưa phù hợp với thông lệ | Bộ Tài chính | Thông tư sửa đổi, bổ sung | 2012 |

**Nhóm giải pháp 2: HỖ TRỢ TIẾP CẬN TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

| Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì thực hiện | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|---|---|---|---|
| 1. Sửa đổi, xây dựng các văn bản luật, nghị định của Luật Chứng khoán nhằm tạo điều kiện để các doanh | Bộ Tài chính | Văn bản luật, nghị định sửa đổi | 2015 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| nghiệp sử dụng các kênh thu hút vốn khác như phát hành trái phiếu... nhằm giảm sự lệ thuộc vào thị trường tín dụng ngân hàng | | | |
| 2. Ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành Quy chế thành lập, hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và Quyết định số 115/2004/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2004 về việc sửa đổi, bổ sung quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành kèm theo Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài chính | Quyết định thay thế Quyết định 193 và 115 | 2013 |
| 3. Đẩy nhanh phê duyệt và triển khai tổ chức thực hiện Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Quỹ được đưa vào vận hành, thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa | 2012 |
| 4. Ngân hàng Nhà nước nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các ngân hàng thương mại tăng mức dư nợ tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa | Ngân hàng Nhà nước | Quyết định khuyến khích ngân hàng thương mại tăng dư nợ tín dụng cho khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa | 2012 - 2013 |
| **Nhóm giải pháp 3: HỖ TRỢ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ VÀ ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA** | | | |
| **Nội dung công việc** | **Cơ quan chủ trì thực hiện** | **Kết quả** | **Thời gian hoàn thành** |
| 1. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về | Bộ Khoa học và Công nghệ | Nghị định số 119/1999/NĐ-CP được bổ sung, sửa đổi | 2012 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa 30% tổng kinh phí cho việc thực hiện đề tài nghiên cứu của doanh nghiệp nhỏ và vừa, cho phép các doanh nghiệp trích tối đa 10% lợi nhuận trước thuế vào Quỹ phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp chi tiêu vào các hoạt động nghiên cứu, phát triển và được tính các chi phí chi tiêu cho các hoạt động nghiên cứu phát triển này vào chi phí hợp lý, hợp lệ của doanh nghiệp | | | |
| 2. Rà soát các quy định liên quan tới sở hữu công nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động đăng ký xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp. Cụ thể, sửa đổi Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp; sửa đổi Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN về giám định sở hữu công nghiệp | Bộ Khoa học và Công nghệ | Thông tư sửa đổi Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN và Thông tư sửa đổi Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN | 2012 |
| 3. Xây dựng thông tư hướng dẫn việc đăng ký, quản lý đối tượng quyền sở hữu công nghiệp được tạo ra từ kinh phí của Nhà nước nhằm khuyến khích hoạt động thương mại hóa và phát triển thị trường tài sản trí tuệ | Bộ Khoa học và Công nghệ | Thông tư hướng dẫn | 2013 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 4. Thông tư hướng dẫn thực hiện quy trình hình thành và công nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Thông tư hướng dẫn các chính sách ưu đãi về thuế, ưu đãi trong việc sử dụng đất của doanh nghiệp khoa học và công nghệ | Bộ Khoa học và Công nghệ | Thông tư hướng dẫn | 2012 |
| 5. Thông tư hướng dẫn việc xác định giá trị kết quả nghiên cứu, giao kết quả nghiên cứu, giao tài sản thuộc sở hữu Nhà nước cho các doanh nghiệp | Bộ Khoa học và Công nghệ | Thông tư hướng dẫn | 2012 |
| 6. Xây dựng quy định báo cáo thống kê tổng hợp về chuyển giao công nghệ; xây dựng quy định hướng dẫn nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức tư vấn chuyển giao công nghệ nhằm hình thành các tổ chức tư vấn chuyển giao công nghệ hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia hoạt động chuyển giao công nghệ | Bộ Khoa học và Công nghệ | Thông tư hướng dẫn | 2011 - 2012 |
| 7. Xây dựng cơ chế hỗ trợ tra cứu thông tin khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ để các doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể tiếp cận một cách có hiệu quả hơn nguồn thông tin sáng chế phục vụ nhu cầu sản xuất và đổi mới công nghệ | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoàn thiện kho thông tin sáng chế, Việt hóa tư liệu sáng chế, mua các cơ sở dữ liệu về SHCN, phát triển các công cụ tra cứu. Hoàn thiện cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tra cứu thông tin | 2012 - 2020 |
| 8. Ban hành văn bản thay thế Quyết định số 36/2007/QĐ-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài chính về Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân và doanh | Bộ Tài chính | Văn bản thay thế Quyết định số 36/2007/QĐ-BTC được ban hành | 2012 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| nghiệp theo hướng khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các tổ chức, cá nhân thành lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới công nghệ | | | |
| 9. Thí điểm xây dựng vườn ươm doanh nghiệp trong một số lĩnh vực ưu tiên, tập trung vào đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm có hàm lượng giá trị gia tăng cao, có tính cạnh tranh cao và thân thiện với môi trường | Bộ Khoa học và Công nghệ | Vườn ươm được thành lập | 2014 - 2015 |
| **Nhóm giải pháp 4: PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC, CHÚ TRỌNG NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ CHO CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA** | | | |
| **Nội dung công việc** | **Cơ quan chủ trì thực hiện** | **Kết quả** | **Thời gian hoàn thành** |
| 1. Triển khai có hiệu quả hoạt động trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực hàng năm cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch 05/2011/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2011 về hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; định kỳ tổ chức điều tra, khảo sát để nắm bắt được nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, qua đó có cơ sở đổi mới nội dung, phương thức phù hợp yêu cầu nguồn nhân lực của các doanh nghiệp nhỏ và vừa | Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị thực hiện hoạt động đào tạo | Khoảng 300.000 doanh nghiệp được hưởng lợi từ chương trình đào tạo | 2011 - 2015 |
| 2. Rà soát và lồng ghép các giải pháp tăng cường đầu tư phát triển dạy nghề nâng cao chất lượng nguồn lao động, đặc biệt là lao động kỹ thuật trong các đề án: | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các giải pháp trợ giúp đào tạo nghề được lồng ghép | 2011 - 2015 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| Phát triển thị trường lao động ở Việt Nam đến năm 2020, đổi mới và phát triển dạy nghề giai đoạn 2008 - 2020, đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 và Chiến lược phát triển dạy nghề giai đoạn 2011 - 2020 nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường, yêu cầu mở rộng và phát triển của các doanh nghiệp | | | |
| 3. Hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động; hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về thị trường lao động vào năm 2015; thu thập, xử lý, phân tích, dự báo, quản lý và cung cấp thông tin thị trường lao động theo các cấp trình độ, các ngành nghề, lĩnh vực; phát triển các hình thức thông tin thị trường lao động, nhất là hình thức giao dịch về việc làm chính thống trên thị trường lao động nhằm kết nối cung - cầu lao động; tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Hệ thống thông tin thị trường lao động được xây dựng và hoàn thiện | 2011 - 2015 |
| **Nhóm giải pháp 5: ĐẨY MẠNH HÌNH THÀNH CÁC CỤM LIÊN KẾT, CỤM NGÀNH CÔNG NGHIỆP, TĂNG CƯỜNG TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA** | | | |
| **Nội dung công việc** | **Cơ quan chủ trì thực hiện** | **Kết quả** | **Thời gian hoàn thành** |
| 1. Đẩy nhanh hoàn thiện và phê duyệt Đề án phát triển cụm công nghiệp, khu công nghiệp gắn với phát triển công nghiệp hỗ trợ, tạo mạng liên kết sản xuất và hình thành chuỗi giá trị | Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương) | Đề án được phê duyệt | 2012 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 2. Sửa đổi Luật Đất đai theo hướng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận đất sạch cho sản xuất kinh doanh | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Luật đất đai sửa đổi | 2013 |
| 3. Xây dựng cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện hệ thống kiểm toán môi trường và quản lý sinh thái nhằm hỗ trợ doanh nghiệp kiểm soát rủi ro môi trường, tiết kiệm tài nguyên và giảm chi phí cho doanh nghiệp | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện kiểm toán môi trường và quản lý sinh thái | 2012 - 2014 |
| 4. Nghiên cứu xây dựng cơ chế hỗ trợ di dời các doanh nghiệp nhỏ và vừa gây ô nhiễm thông qua việc cho phép chuyển quyền sử dụng đất từ đất sản xuất sang đất ở và đất thương mại nhằm mục đích bán và trang trải chi phí di chuyển | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Cơ chế ưu đãi được xây dựng, thông qua và áp dụng | 2014 |
| **Nhóm giải pháp 6: CUNG CẤP THÔNG TIN HỖ TRỢ VÀ XÚC TIẾN MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA** | | | |
| **Nội dung công việc** | **Cơ quan chủ trì thực hiện** | **Kết quả** | **Thời gian hoàn thành** |
| 1. Hình thành mạng lưới hệ thống thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để cung cấp thông tin về các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp, các chính sách, chương trình trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và các thông tin khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp | Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp | Thông tin về chính sách, chương trình trợ giúp được cập nhật tại Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương | 2011 - 2015 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 2. Phát triển, nâng cấp Cổng thông tin doanh nghiệp với vai trò đầu mối cung cấp thông tin, kiến thức trợ giúp cho mọi giai đoạn phát triển của doanh nghiệp; hình thành mạng lưới kết nối các thông tin về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Cổng thông tin được nâng cấp, kết nối | 2012 - 2013 |
| 3. Xây dựng và công bố ấn phẩm thường niên của Chính phủ cung cấp thông tin về khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Sách trắng doanh nghiệp nhỏ và vừa được công bố hàng năm | Hàng năm |
| 4. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia theo Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ. Định kỳ tổ chức đánh giá hiệu quả thực hiện Chương trình để nắm bắt được nhu cầu của doanh nghiệp, làm cơ sở sửa đổi, bổ sung cơ chế hỗ trợ phù hợp | Bộ Công Thương | Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ tham gia Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia Chương trình tăng lên | 2011 - 2015 |
| 5. Nghiên cứu, ban hành văn bản theo lộ trình quy định cho phép tỷ lệ nhất định doanh nghiệp nhỏ và vừa được tham gia cung cấp một số hàng hóa, dịch vụ công trình cho thị trường mua sắm công | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2012 - 2013 |
| 6. Tăng cường triển khai áp dụng đấu thầu qua mạng để khuyến khích và tạo điều kiện tiếp cận thông tin cho doanh nghiệp nhỏ và vừa | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Tăng số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia đấu thầu qua mạng | 2012 - 2015 |

| Nhóm giải pháp 7: XÂY DỰNG HỆ THỐNG TỔ CHỨC TRỢ GIÚP PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA | | | |
|---|---|---|---|
| **Nội dung công việc** | **Cơ quan chủ trì thực hiện** | **Kết quả** | **Thời gian hoàn thành** |
| 1. Soạn thảo Đề án nghiên cứu xây dựng Luật Xúc tiến phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Đề án được xây dựng và trình Chính phủ | 2014 |
| 2. Xây dựng và triển khai Đề án tăng cường năng lực cho cơ quan đầu mối thực hiện chính sách phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Đề án được xây dựng và triển khai | 2012 - 2013 |
| 3. Xây dựng và trình Chính phủ phê duyệt Đề án kiện toàn và tăng cường năng lực cho đơn vị đầu mối quản lý nhà nước về phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các Sở Kế hoạch và Đầu tư địa phương | Bộ Kế hoạch và Đầu tư/các địa phương | Đề án kiện toàn và tăng cường năng lực cho đơn vị đầu mối về doanh nghiệp nhỏ và vừa được phê duyệt | 2012 - 2013 |
| 4. Thí điểm xây dựng mô hình hỗ trợ toàn diện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong một số lĩnh vực lựa chọn, bước đầu triển khai thực hiện thí điểm tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và nhân rộng mô hình thành công sang các địa phương khác; trong đó ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp có tiềm năng phát triển, đầu tư đổi mới phát triển sản phẩm có tính cạnh tranh cao, đổi mới trang thiết bị kỹ thuật, công nghệ tiên tiến | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Thành lập mô hình thí điểm | 2014 - 2015 |

| Nhóm giải pháp 8: QUẢN LÝ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA | | | |
|---|---|---|---|
| **Nội dung công việc** | **Cơ quan chủ trì thực hiện** | **Kết quả** | **Thời gian hoàn thành** |
| 1. Xây dựng khung theo dõi, đánh giá thực hiện Kế hoạch 5 năm trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2011 - 2015 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Khung theo dõi đánh giá được xây dựng và áp dụng | 2012 |
| 2. Xây dựng bộ dữ liệu thống kê về doanh nghiệp nhỏ và vừa với các tiêu chí được tách bạch theo quy mô doanh nghiệp, theo sở hữu và giới tính, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác theo dõi, đánh giá trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa và công tác xây dựng chính sách, chương trình về doanh nghiệp nhỏ và vừa | Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) | Bộ dữ liệu được xây dựng | 2012 |
| 3. Xây dựng kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa của ngành, địa phương, chú trọng các giải pháp và kinh phí thực hiện, đưa vào kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm và 5 năm của các Bộ, ngành, địa phương | Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Kế hoạch được xây dựng | Hàng năm và năm 2015 |

## II. NHÓM GIẢI PHÁP DƯỚI DẠNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH, HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

| STT | Tên Chương trình, Dự án, Hoạt động | Mục tiêu | Mô tả sơ bộ, hoạt động chủ yếu | Cơ quan chủ trì | Nguồn kinh phí (tỷ đồng) | Thời gian |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Hoạt động đào tạo nguồn nhân lực cho doanh | Tăng cường kỹ năng, đặc biệt về quản trị doanh | Các Bộ, ngành, địa phương, hiệp hội trực tiếp tổ chức hoặc giao cho đơn vị đủ | - Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tổng hợp chung nhu cầu | - Ngân sách trung ương: Dự kiến 250 tỷ đồng | 2011 - 2015 |

| STT | Tên Chương trình, Dự án, Hoạt động | Mục tiêu | Mô tả sơ bộ, hoạt động chủ yếu | Cơ quan chủ trì | Nguồn kinh phí (tỷ đồng) | Thời gian |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | nghiệp nhỏ và vừa | nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa | điều kiện tổ chức các khoá đào tạo khởi sự và quản trị doanh nghiệp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định | đào tạo<br>- Các Bộ, Ủy ban nhân dân, hiệp hội doanh nghiệp, đơn vị cung cấp dịch vụ đủ điều kiện chủ trì thực hiện tổ chức khóa đào tạo cho doanh nghiệp nhỏ và vừa | - Ngân sách địa phương: 80 tỷ<br>- Huy động từ doanh nghiệp và nhà tài trợ: 50 tỷ | |
| 2 | Đề án xây dựng cơ chế hợp tác nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực | Có cơ chế hợp tác nhà trường và doanh nghiệp thúc đẩy đào tạo nguồn nhân lực | Xây dựng cơ chế để mở rộng hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo sử dụng nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ, khuyến khích mở cơ sở đào tạo tại doanh nghiệp lớn | Bộ Giáo dục và Đào tạo | | 2012 |
| 3 | Hoạt động trợ giúp thông tin cho doanh nghiệp nhỏ và vừa | Cung cấp thông tin đa dạng, nhiều chiều cho cộng đồng doanh nghiệp; 30% tổng số doanh | Khảo sát nhu cầu thông tin hỗ trợ hoạt động doanh nghiệp; nâng cấp toàn diện Cổng thông tin doanh nghiệp; thực hiện kết nối với các trang | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | - Ngân sách trung ương: 50 tỷ đồng<br>- Ngân sách địa phương: 20 tỷ<br>- Nguồn khác: 10 tỷ | 2012 - 2015 |

| STT | Tên Chương trình, Dự án, Hoạt động | Mục tiêu | Mô tả sơ bộ, hoạt động chủ yếu | Cơ quan chủ trì | Nguồn kinh phí (tỷ đồng) | Thời gian |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | nghiệp cả nước tham gia sử dụng; khoảng 15.000 doanh nghiệp sử dụng thường xuyên | thông tin, cổng thông tin của Bộ, ngành, địa phương | | | |
| 4 | Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010 - 2014 | 95% doanh nghiệp tiếp cận thường xuyên thông tin pháp luật thông qua các hình thức phù hợp; tổ chức bồi dưỡng cho 65.000 quản lý doanh nghiệp; 9.700 cán bộ pháp chế doanh nghiệp giai đoạn 2010 - 2014; 80% doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các địa | Tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho cán bộ quản lý doanh nghiệp và kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế doanh nghiệp; hình thành mạng lưới Tư vấn pháp luật (Luật gia, Tư vấn viên pháp luật và cộng tác viên Tư vấn pháp luật doanh nghiệp) tại các địa bàn kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn | Bộ Tư pháp | 190 tỷ: Ngân sách nhà nước 170 tỷ (ngân sách trung ương 135 tỷ, ngân sách địa phương: 35 tỷ). Kinh phí đóng góp của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là 20 tỷ | 2011 - 2014 |

| STT | Tên Chương trình, Dự án, Hoạt động | Mục tiêu | Mô tả sơ bộ, hoạt động chủ yếu | Cơ quan chủ trì | Nguồn kinh phí (tỷ đồng) | Thời gian |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | phương có điều kiện kinh tế khó khăn được hỗ trợ tư vấn về pháp luật kinh doanh | | | | |
| 5 | Chương trình khuyến công quốc gia | Huy động các nguồn lực trong ngoài nước tham gia đầu tư sản xuất công nghiệp và các dịch vụ khuyến công ở nông thôn; phát triển công nghiệp ở nông thôn với tốc độ tăng trưởng không thấp hơn tốc độ bình quân cả nước | Khuyến khích phát triển mạnh doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghiệp, góp phần tăng tỷ trọng công nghiệp nông thôn, tăng kim ngạch xuất khẩu, tạo việc làm và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động ở khu vực nông thôn | Bộ Công Thương | 400 tỷ đồng | Đến năm 2020 |
| 6 | Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và | Nâng cao khả năng cạnh tranh, tăng năng suất | Phát triển cụm liên kết ngành tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhỏ và | Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam | 45 tỷ đồng từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp | 2012 - 2015 |

| STT | Tên Chương trình, Dự án, Hoạt động | Mục tiêu | Mô tả sơ bộ, hoạt động chủ yếu | Cơ quan chủ trì | Nguồn kinh phí (tỷ đồng) | Thời gian |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | vừa để phát triển các cụm liên kết ngành trong chuỗi giá trị khu vực nông nghiệp nông thôn | và chất lượng sản phẩm cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam | vừa Việt Nam tham gia và phát triển mạng lưới liên kết sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trong chuỗi giá trị của khu vực nông nghiệp nông thôn | | và các nhà tài trợ | |
| 7 | Chương trình nâng cao năng lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ do nữ làm chủ giai đoạn 2011 - 2015 | Nâng cao trình độ và kiến thức khởi nghiệp và quản lý doanh nghiệp cho các doanh nhân nữ | Triển khai các chương trình đào tạo, tư vấn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ do nữ làm chủ tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường thông qua các chương trình xúc tiến thương mại, các hoạt động kết nối thị trường; nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ | Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam | 35 tỷ đồng từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp và các nhà tài trợ | 2011 - 2015 |
| 8 | Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia | Số doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ | Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ | Bộ Khoa học và Công nghệ | Nguồn kinh phí: Quỹ đổi mới công nghệ quốc | 2010 - 2020 |

| STT | Tên Chương trình, Dự án, Hoạt động | Mục tiêu | Mô tả sơ bộ, hoạt động chủ yếu | Cơ quan chủ trì | Nguồn kinh phí (tỷ đồng) | Thời gian |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đến năm 2020 (Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 tháng 2011) | tăng 10%/năm; 30.000 kỹ sư, kỹ thuật viên, cán bộ quản lý doanh nghiệp nhỏ và vừa được đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ, cập nhật công nghệ mới | thống thông tin quản lý nguồn lực doanh nghiệp và quảng cáo sản phẩm; xây dựng cơ sở dữ liệu về công nghệ mới; hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ tiên tiến | | gia; ngân sách nhà nước; doanh nghiệp | |
| 9 | Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011 - 2015 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2204/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2010) | - Đáp ứng 70% yêu cầu của doanh nghiệp, tổ chức dịch vụ khoa học công nghệ về nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ; 50% yêu cầu về đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp | Hỗ trợ xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp; hỗ trợ xây dựng và áp dụng quy trình quản lý, kết quả, sản phẩm nghiên cứu khoa học của doanh nghiệp; hỗ trợ triển khai các chương trình, hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ | Bộ Khoa học và Công nghệ | Nguồn kinh phí: ngân sách nhà nước | 2011 - 2015 |

| STT | Tên Chương trình, Dự án, Hoạt động | Mục tiêu | Mô tả sơ bộ, hoạt động chủ yếu | Cơ quan chủ trì | Nguồn kinh phí (tỷ đồng) | Thời gian |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010) | Phát triển 200 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao; 80 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các vùng kinh tế trọng điểm; phát triển 30 cơ sở ươm tạo công nghệ cao | Hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ ứng dụng, sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao; hỗ trợ đào tạo lãnh đạo doanh nghiệp thuộc các ngành công nghệ cao | Bộ Khoa học và Công nghệ | Nguồn kinh phí: ngân sách nhà nước; ODA, nguồn hợp pháp khác | 2010 - 2020 |
| 11 | Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020 (Thủ | 100% tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện dự án tại địa phương. | Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa chủ lực của địa phương; hướng dẫn doanh nghiệp khai thác thông tin về tiêu chuẩn chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ, thông tin về sở hữu công | Bộ Khoa học và Công nghệ | Kinh phí: Nguồn vốn của doanh nghiệp là chủ yếu, hỗ trợ từ ngân sách địa phương, nguồn vốn hợp pháp khác | 2010 - 2020 |

| STT | Tên Chương trình, Dự án, Hoạt động | Mục tiêu | Mô tả sơ bộ, hoạt động chủ yếu | Cơ quan chủ trì | Nguồn kinh phí (tỷ đồng) | Thời gian |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2010) | | nghiệp; trợ giúp doanh nghiệp thay thế công nghệ lạc hậu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, làm chủ công nghệ được chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam | | | |
| 12 | Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn quốc tế giai đoạn 2011 - 2015 (đang hoàn chỉnh dự thảo trình Thủ tướng Chính phủ ban hành) | Hàng năm có khoảng 680 doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ kinh phí xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến; mỗi tỉnh, thành hỗ trợ từ 10 - 20 doanh nghiệp nhỏ và vừa | Xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tuyên truyền; hỗ trợ kinh phí tư vấn, chứng nhận cho doanh nghiệp nhỏ và vừa xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến | Bộ Khoa học và Công nghệ | Kinh phí: Nguồn vốn của doanh nghiệp là chủ yếu; ngân sách địa phương hỗ trợ một phần kinh phí tư vấn, chứng nhận cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; nguồn vốn hợp pháp khác | 2012 - 2015 |

| STT | Tên Chương trình, Dự án, Hoạt động | Mục tiêu | Mô tả sơ bộ, hoạt động chủ yếu | Cơ quan chủ trì | Nguồn kinh phí (tỷ đồng) | Thời gian |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 13 | Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 | Hình thành, phát triển các sản phẩm hàng hóa thương hiệu Việt Nam; tăng cường chuyển giao công nghệ, tiếp thu, làm chủ và ứng dụng công nghệ vào các ngành kinh tế - kỹ thuật, công nghiệp then chốt; nâng cao năng lực đổi mới công nghệ của doanh nghiệp và tiềm lực công nghệ quốc gia | Chương trình dự kiến triển khai 3 nội dung chủ yếu là: Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm quốc gia trên cơ sở triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tạo ra các sản phẩm có sức cạnh tranh và giá trị tăng cao; sản xuất thử nghiệm sản phẩm quốc gia, hình thành doanh nghiệp đi tiên phong trong sản xuất sản phẩm quốc gia và thương mại hóa sản phẩm và phát triển thị trường, hình thành ngành kinh tế - kỹ thuật dựa trên sản phẩm quốc gia | Bộ Khoa học và Công nghệ | Kinh phí: Kinh phí đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp; vốn ODA, viện trợ của nước ngoài; vốn tín dụng từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các ngân hàng thương mại; kinh phí từ các doanh nghiệp; các quỹ, kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác | 2011 - 2020 |
| | **Ước tính tổng kinh phí trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2011 - 2015 không bao gồm các chương trình đổi mới công nghệ.** | | | | **1.130 tỷ đồng** | **2011 - 2015** |